

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	3
DANH MỤC HÌNH	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	5
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở	6
2. Tên cơ sở.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	6
3.3. Sản phẩm của cơ sở	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	11
4.1. Nguyên liệu	11
4.2. Nguồn cung cấp điện.....	11
4.3. Nguồn cung cấp nước.....	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	12
5.1. Thông tin chung về cơ sở	12
5.2. Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở.....	12
5.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	12
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	14
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	14
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	17
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	17
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	17
1.2. Thu gom, thoát nước thải	18
1.3. Xử lý nước thải.....	18
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	19
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi tại nhà xưởng	19
2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển	19
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	20
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	20
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	21
5.1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ.....	21
5.2. Phòng ngừa tai nạn lao động	22
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	23

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	23
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	24
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	24
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
1. Dữ liệu quan trắc môi trường định kỳ	25
1.1. Đối với không khí xung quanh.....	25
1.2. Đối với nước mặt.....	25
1.3. Đối với nước dưới đất	26
1.4. Đối với nước thải.....	27
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ	27
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	29
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	29
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	29
2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục và định kỳ	29
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	29
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	29
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	30
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	31
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	32

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Cơ sở.....	10
Bảng 2. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất của Cơ sở	11
Bảng 3. Thống kê nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở	11
Bảng 4. Thống kê nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở.....	11
Bảng 5. Cơ cấu sử dụng đất của Cơ sở.....	12
Bảng 6. Phương tiện PCCC của Cơ sở.....	21
Bảng 7. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	23
Bảng 8. Kết quả quan trắc chất lượng không khí và tiếng ồn	25
Bảng 9. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt	26
Bảng 10. Kết quả quan trắc chất lượng nước dưới đất.....	26
Bảng 11. Kết quả quan trắc nước thải	27
Bảng 12. Kết quả quan trắc chất lượng không khí và tiếng ồn	27

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy trình sản xuất giấy ăn.....	7
Hình 2. Quy trình sản xuất giấy vệ sinh có lõi.....	8
Hình 3. Quy trình sản xuất cuộn giấy vệ sinh không lõi.....	9
Hình 4. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa	18
Hình 5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	18

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	KÝ HIỆU	CHÚ GIẢI
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	CTR	Chất thải rắn
4	CTRS	Chất thải rắn sinh hoạt
5	ng.đ	ng.đ
6	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	QCVN	Quy chuẩn xây dựng

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý
- Địa chỉ văn phòng: Cụm công nghiệp Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Lê Bá Đình - Giám đốc
- Điện thoại: 02333700800
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200310195 đăng ký lần đầu ngày 23/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/05/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng.
- Địa điểm cơ sở: Cụm công nghiệp Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 992/GXN-UBND ngày 18/11/2010 của UBND thành phố Đông Hà của dự án “Đầu tư dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng”.
- Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp thuộc dự án nhóm C phân loại theo tiêu chí của Luật đầu tư công năm 2019.

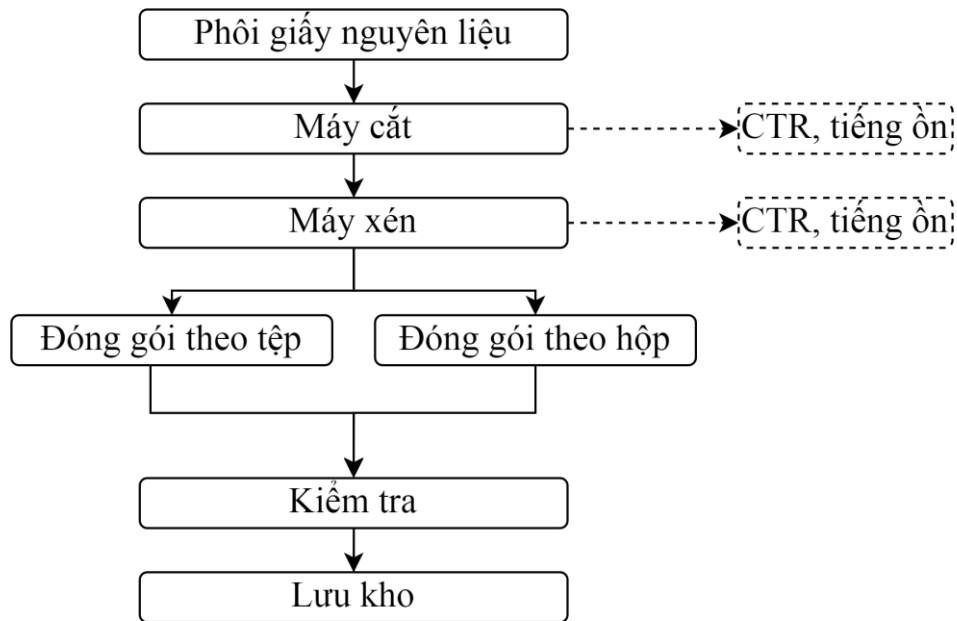
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Công suất của Cơ sở: Sản xuất giấy gia dụng với công suất 64 tấn sản phẩm/năm.
- Sản phẩm: Sản phẩm của Cơ sở bao gồm 03 loại:
 - + Khăn ăn: 22 tấn/năm.
 - + Cuộn giấy vệ sinh không lõi: 37 tấn/năm.
 - + Cuộn giấy vệ sinh có lõi: 5 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

3.2.1. Quy trình sản xuất giấy ăn



Hình 1. Quy trình sản xuất giấy ăn

Thuyết minh quy trình

1. Cắt:

- Giấy ăn được sản xuất thành từng tấm rời, thay vì cuộn tròn như giấy vệ sinh.
- Máy cắt sẽ cắt giấy thành từng tấm có kích thước theo yêu cầu.
- Kích thước phổ biến của giấy ăn là 10cm x 15cm, 15cm x 20cm, 20cm x 20cm.

2. Xén:

Giấy ăn sau khi cắt thường không cần xén vì các cạnh đã được cắt phẳng phiu. Tuy nhiên, một số sản phẩm có thể thực hiện bước xén để loại bỏ những phần giấy thừa nhỏ hoặc tạo hình dạng đẹp mắt cho sản phẩm.

3. Đóng gói:

- Giấy ăn thường được đóng gói theo hai cách:
 - + Đóng gói theo tập: Giấy ăn được xếp thành từng tập dày khoảng 2-3cm, sau đó được bọc bằng màng plastic hoặc giấy kraft.
 - + Đóng gói theo hộp: Giấy ăn được xếp gọn gàng vào hộp giấy, sau đó hộp giấy được dán kín bằng keo hoặc màng plastic.
- Bao bì sản phẩm đã được in ấn thông tin sản phẩm như thương hiệu, logo, hạn sử dụng,...

4. Kiểm tra:

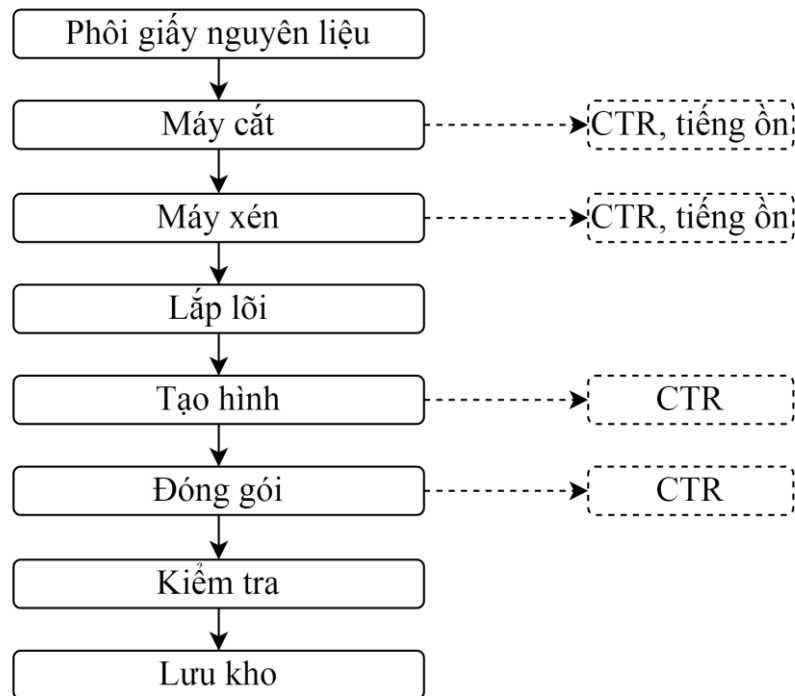
- Giấy ăn sau khi đóng gói sẽ được kiểm tra chất lượng để đảm bảo không có lỗi sản xuất.

- Các sản phẩm lỗi sẽ được loại bỏ và không đưa ra thị trường.

5. Thành phẩm:

- Giấy ăn sau khi được kiểm tra sẽ được đóng thùng và chuyển đến kho hoặc xuất ra thị trường.

3.2.2. Quy trình sản xuất vệ sinh có lỗi



Hình 2. Quy trình sản xuất giấy vệ sinh có lỗi

Thuyết minh quy trình:

1. Cắt:

- Cuộn giấy được đưa vào máy cắt.
- Máy cắt sẽ tự động cắt cuộn giấy thành các cuộn nhỏ hơn có kích thước theo yêu cầu.

- Đường kính cuộn giấy vệ sinh có lỗi thường lớn hơn so với cuộn giấy vệ sinh không lỗi.

2. Xén:

- Sau khi cắt, các cuộn giấy được đưa qua máy xén để loại bỏ phần mép thừa.
- Máy xén sẽ tự động loại bỏ phần mép giấy không cần thiết, giúp cho cuộn giấy có hình dạng đẹp mắt và gọn gàng hơn.

3. Lắp lõi:

- Lõi giấy được tự động đưa vào cuộn giấy.
- Lõi giấy giúp cuộn giấy vệ sinh có độ cứng cáp và dễ sử dụng hơn.

4. Tạo hình:

- Sau khi lắp lõi, cuộn giấy sẽ được chuyển đến máy tạo hình.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

- Máy tạo hình sẽ ép cuộn giấy thành hình dạng mong muốn, thường là hình trụ.

5. Đóng gói:

- Cuộn giấy vệ sinh sau khi được tạo hình sẽ được chuyển đến máy đóng gói.
- Máy đóng gói sẽ tự động bọc cuộn giấy bằng màng plastic.
- Trên bao bì đã được in ấn thông tin sản phẩm như thương hiệu, logo, hạn sử dụng,...

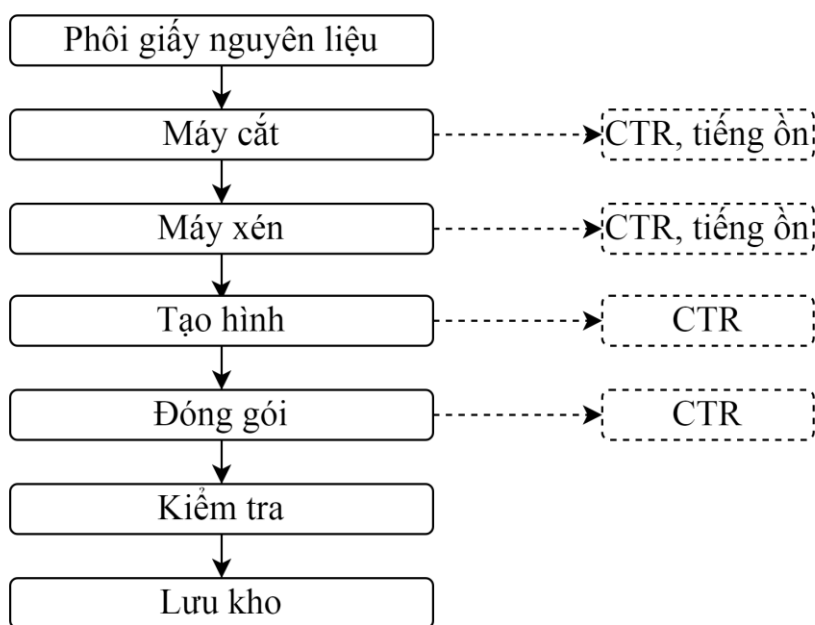
6. Kiểm tra:

- Sau khi đóng gói, các cuộn giấy sẽ được kiểm tra chất lượng để đảm bảo không có lỗi sản xuất.
- Các sản phẩm lỗi sẽ được loại bỏ và không đưa ra thị trường.
- Quá trình kiểm tra giúp đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

- 7. Thành phẩm:

- Cuộn giấy vệ sinh có lỗi sau khi được kiểm tra sẽ được đóng thùng và chuyển đến kho hoặc xuất ra thị trường.

3.2.3. Quy trình sản xuất vệ sinh không lỗi



Hình 3. Quy trình sản xuất cuộn giấy vệ sinh không lỗi

Thuyết minh quy trình:

1. Cắt:

- Cuộn giấy được đưa vào máy cắt.
- Máy cắt sẽ tự động cắt cuộn giấy thành các cuộn nhỏ hơn có kích thước theo yêu cầu.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

- Đường kính cuộn giấy vệ sinh không lõi thường nhỏ hơn so với cuộn giấy vệ sinh có lõi.

2. Xén:

- Sau khi cắt, các cuộn giấy được đưa qua máy xén để loại bỏ phần mép thừa.

- Máy xén sẽ tự động loại bỏ phần mép giấy không cần thiết, giúp cho cuộn giấy có hình dạng đẹp mắt và gọn gàng hơn.

3. Tạo hình:

- Sau khi cắt, cuộn giấy vệ sinh không lõi sẽ được chuyển đến máy tạo hình.

- Máy tạo hình sẽ ép cuộn giấy thành hình dạng mong muốn, thường là hình trụ.

4. Đóng gói:

- Cuộn giấy vệ sinh không lõi sau khi được tạo hình sẽ được chuyển đến máy đóng gói.

- Máy đóng gói sẽ tự động bọc cuộn giấy bằng màng plastic.

- Trên bao bì đã được in ấn thông tin sản phẩm như thương hiệu, logo, hạn sử dụng,...

5. Kiểm tra:

- Sau khi đóng gói, các cuộn giấy sẽ được kiểm tra chất lượng để đảm bảo không có lỗi sản xuất.

- Các sản phẩm lỗi sẽ được loại bỏ và không đưa ra thị trường.

6. Thành phẩm:

- Cuộn giấy vệ sinh không lõi sau khi được kiểm tra sẽ được đóng thùng và chuyển đến kho hoặc xuất ra thị trường.

3.2.4. Danh mục máy móc phục vụ hoạt động sản xuất

Bảng 1. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Cơ sở

TT	Loại máy móc, thiết bị	Số lượng
1	Máy cuộn vệ sinh	4 cái
2	Máy cắt quả giấy vệ sinh	4 cái
3	Máy vệ sinh cuộn lớn	1 cái
4	Máy tự động	2 cái
5	Máy in phun	1 cái
6	Máy khăn ăn	4 cái
7	Máy bố mâm khăn ăn	1 cái
8	Máy bố mâm lõi	1 cái
9	Máy napkin coctailk	1 cái
10	Máy napkin cao cấp	4 cái
11	Máy dán hộp	1 cái
12	Máy đóng gói túi ni long	1 cái

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của Cơ sở bao gồm 03 loại:

- Khăn ăn: 22 tấn/năm.
- Cuộn giấy vệ sinh không lõi: 37 tấn/năm.
- Cuộn giấy vệ sinh có lõi: 5 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu

Bảng 2. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất của Cơ sở

TT	Nguyên liệu	Khối lượng
1	Phôi giấy	80 tấn/năm
2	Bao bì, bì carton đóng gói	5 tấn/năm

4.2. Nguồn cung cấp điện

Nguồn điện cấp đến khu đất của Cơ sở được lấy từ lưới điện 22kV của khu vực cấp đến trạm biến áp đặt ngoài công trình. Nguồn điện 22kV từ điểm đầu điện đi ngầm đất vào tủ mạch vòng trung thế trạm điện ở ngoài nhà.

Bảng 3. Thống kê nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở

TT	Tháng sử dụng	Nhu cầu sử dụng điện (kWh)
1	Tháng 3/2024	7.402
2	Tháng 4/2024	6.346
3	Tháng 5/2024	5.753

Ghi chú: Lượng điện tiêu thụ được lấy theo 3 tháng sử dụng của Cơ sở, số liệu do Chủ cơ sở cung cấp

4.3. Nguồn cung cấp nước

Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ mạng lưới đường ống phân phối trong CCN Đông Lễ. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở hiện tại như sau:

Bảng 4. Thống kê nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

TT	Tháng sử dụng	Nhu cầu sử dụng nước (m³)
1	Tháng 3/2024	23
2	Tháng 4/2024	27
3	Tháng 5/2024	19

Ghi chú: Lượng nước tiêu thụ được lấy theo 3 tháng sử dụng của Cơ sở, số liệu do Chủ cơ sở cung cấp

Cơ sở không sử dụng nước cho hoạt động sản xuất, nguồn nước phục vụ cho Cơ sở chủ yếu là nước sinh hoạt của CBCNV với định mức tiêu thụ 25 lít/người/ng.đ (Theo Bảng 4 - Tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 - Cấp nước - Mạng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế), theo đó, lượng nước sử dụng hàng tháng ước tính là $25 \text{ lít/người/ng.đ} \times 30 \text{ người} \times 30 \text{ ngày} = 22,5 \text{ m}^3/\text{tháng}$. Do đó, nhu cầu sử dụng nước hiện tại của Cơ sở trung bình khoảng từ 19 - 27 $\text{m}^3/\text{tháng}$.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Thông tin chung về cơ sở

Cơ sở “Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng” của Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2010. Với đội ngũ 30 cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết, Cơ sở đã nhanh chóng trở thành một trong những đơn vị có uy tín trong lĩnh vực sản xuất và đóng gói các loại giấy gia dụng trên địa bàn. Xưởng được trang bị các dây chuyền máy móc hiện đại và tiên tiến, đảm bảo quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, từ khâu cắt xén đến đóng gói sản phẩm. Xưởng cung cấp nhiều loại giấy gia dụng khác nhau như giấy vệ sinh, giấy ăn, khăn giấy, và giấy lau đa năng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

5.2. Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở

Cơ sở có diện tích 3.445 m^2 với quy mô hạng mục công trình như sau:

Bảng 5. Cơ cấu sử dụng đất của Cơ sở

TT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ
1	Xưởng sản xuất giấy ăn	500	14,51%
2	Xưởng sản xuất giấy vệ sinh không lõi	890	25,83%
3	Xưởng sản xuất cuộn giấy vệ sinh có lõi	45	1,31%
4	Kho thành phẩm	866	25,14%
5	Nhà văn phòng	40	1,16%
6	Kho chứa vật tư, nguyên liệu	130	3,77%
7	Nhà để xe	140	4,06%
8	Nhà bảo vệ	140	4,06%
9	Khuôn viên, cây xanh	694	20,15%
	Tổng cộng	3.445	100,00%

5.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

5.3.1. Công trình và biện pháp xử lý nước thải

- Xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của 30 CBCNV được xử lý bằng hệ thống 03 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích $10\text{m}^3/\text{bể}$ đã được xây dựng (tổng thể tích $30\text{m}^3/3$ bể). Hệ thống nhà vệ sinh có kết cấu bê tông, nắp đáy đan bê tông cốt thép, đáp ứng nhu cầu hiện tại của cán bộ công nhân viên của dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên mái, sân, đường nội bộ được thu gom qua hệ thống mương nội bộ kích thước $B \times H = (0,3 \times 0,3)\text{m}$, dài 60m, kết cấu bằng gạch xây, sau đó thoát về hố ga góc phía Bắc để lắng tạp chất và thoát theo hệ thống thoát nước chung của CCN Đông Lễ nằm trên đường Nguyễn Du.

5.3.2. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn thông thường

Hiện tại, Cơ sở đã bố trí 03 thùng rác 60L tại Xưởng sản xuất giấy ăn, Xưởng sản xuất giấy cuộn không lõi và Nhà văn phòng. Bố trí 01 thùng rác 120L thu rác

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

tại khu vực công để tập kết rác thải hàng ngày. Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và CTĐT Đông Hà đem đi xử lý với tần suất 03 lần/tuần.

5.3.3. Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Lắp đặt hệ thống quạt thông gió cho nhà xưởng để đưa khí tươi vào nhà xưởng, tạo sự cân bằng áp suất và cải thiện chất lượng không khí.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Cơ sở giúp lọc bụi bản, cung cấp oxy và tạo bóng râm, góp phần cải thiện chất lượng không khí trong nhà xưởng.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia: Hiện nay, Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024. Tuy nhiên, dự án này có tính chất sản xuất quy mô nhỏ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh nên sẽ không đưa vào quy hoạch môi trường cấp Quốc gia. Do vậy, không có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của Dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, phân vùng môi trường.

- Về quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, với mục tiêu chung: Phát triển ngành công nghiệp đa dạng về cơ cấu, đảm bảo hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập trên cơ sở khai thác tiềm năng lợi thế của vùng Duyên hải miền Trung và Hành lang kinh tế Đông Tây để phát triển mạnh các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế và các đầu mối hạ tầng kỹ thuật quan trọng.

- Về quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị: Theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 thì phương án phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tiếp tục công tác xúc tiến đầu tư và phối hợp thực hiện kêu gọi, thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thực hiện tốt chính sách khuyến công; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hoạt động có hiệu quả trong khu, cụm công nghiệp nhằm góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Dự án đi vào hoạt động nâng cao hiệu quả sử dụng đất của CCN Đông Lễ và giải quyết việc làm lao động địa phương, góp phần phát triển công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn thành phố Đông Hà.

- Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Ngoài ra, việc thực hiện Dự án phù hợp với các văn bản sau:

+ Quyết định số 3051/QĐ-UB ngày 22/12/2003 của UBND thành phố Đông Hà về việc phê duyệt quy hoạch CCN Đông Lễ.

+ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Đông Hà; Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Đông Hà.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

Nước mưa chảy tràn của Cơ sở sẽ theo tuyến thoát nước dọc tuyến đường Nguyễn Du và được đầu nối vào công thoát nước chung của CCN. Sau đó thoát ra khe nước tự nhiên phía Nam và hồ Trung Chi.

- Đối với khe nước tự nhiên: Bên ngoài hàng rào về phía Nam của CCN Đông Lễ là khe nước mặt tự nhiên. Khe nước mặt tự nhiên chủ yếu dẫn nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt của khu dân cư và các cơ sở kinh doanh, trụ sở làm việc xung quanh khu vực, cũng như toàn bộ nước thải, nước mưa chảy tràn của CCN Đông Lễ, thành phố Đông Hà về hồ Trung Chi. Khe nước mặt là lưu vực thoát nước cho khu vực, chỉ có nước về mùa mưa, mùa hè thường khô cạn. Chiều dài khe nước mặt tự nhiên từ CCN Đông Lễ đến vị trí hợp lưu với hồ Trung Chi khoảng 1,5 km.

- Đối với khu vực hồ Trung Chi:

+ Hồ là nơi tiếp nhận nước thải từ các nguồn: nước thải sinh hoạt của khu vực dân cư phường Đông Lễ, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, trụ sở làm việc dọc tuyến đường 9D (Điện Biên Phủ) và đường Lý Thường Kiệt. Hiện tại, toàn bộ nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt của các đối tượng này đều theo mương dẫn đổ thải ra hồ.

+ Hồ Trung Chi có diện tích khoảng 3,0km², dung tích hồ khoảng 1.671.000m³; Mức nước dâng bình thường là 16,92m, tương ứng với dung tích hồ là 1.951.100m³; Mức nước chết là 11,9m, tương ứng với dung tích hồ chứa là 280.000m³. Chế độ thủy văn của hồ Trung Chi tuân thủ theo Quy trình vận hành điều tiết nước đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 27/7/2011, tần suất xả nước trung bình vào mùa vụ sản xuất của người dân khoảng 10 ngày/lần.

+ Hồ Trung Chi thường chỉ có lưu lượng nước lớn vào mùa mưa; về mùa khô thì mực nước trong hồ hạ thấp, có năm khô kiệt (thời điểm giữa năm 2019). Vào mùa mưa, khi mực nước hồ dâng lên vượt mực nước dâng bình thường theo quy định, để tránh ngập úng cho các khu vực xung quanh hồ cũng như an toàn đập hồ chứa, ngoài việc xả nước tại công điều tiết thì nguồn nước trong hồ sẽ tự chảy qua đập tràn về phía hạ lưu.

+ Theo Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Trị đến 2020, định hướng đến 2030; Quy hoạch tổng thể tài nguyên nước Quảng Trị đến năm 2010, định hướng đến 2020 thì khu vực tiếp nhận nước thải không có các hoạt động sử dụng nước từ hồ Trung Chi nước làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt. Tuy nhiên, khu vực này đang được UBND tỉnh cho phép các nhà đầu tư khảo sát, nghiên cứu lập các dự án về dịch vụ vui chơi giải trí kết hợp nghỉ dưỡng theo Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu lâm viên Cọ Dầu - hồ Trung Chi, thành phố Đông Hà.

Theo kết quả giám sát chất lượng nước hồ (Vị trí H9 tại hồ Trung Chi, phường Đông Lễ) trong chương trình quan trắc mạng lưới tỉnh Quảng Trị và báo cáo giám sát định kỳ tại CCN Đông Lễ (chương 5) cho thấy, tất cả các thông số phân tích nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt. Do vậy, nguồn tiếp nhận còn có

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

khả năng chịu tải trong thời gian đến. Tuy nhiên, với loại hình hoạt động của Cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt của công nhân với lưu lượng nhỏ nên việc tác động của nước thải đến nguồn tiếp nhận là không lớn.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

** Lưu lượng nước mưa chảy tràn*

Lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực Dự án được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn (Các công thức tính toán được lấy từ TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế):

$$Q \text{ (l/s)} = q.F.\beta.\psi \text{ (3.1)}$$

Trong đó:

q - Cường độ mưa tính toán (l/s.ha);

F - Diện tích Cơ sở, $F = 3.461\text{m}^2$

β - Hệ số phân bố mưa $\beta = 1$ (diện tích lưu vực <500ha);

Ψ - Hệ số dòng chảy $\Psi = 0,8$ (mái nhà, mặt phủ bê tông, chu kỳ lặp lại trận mưa là 5 năm),

Cường độ mưa tính toán được xác định theo công thức:

$$q = \frac{A(1 + ClgP)}{(t + b)^n} \times K$$

Trong đó:

Q - Cường độ mưa (l/s.ha);

t - Thời gian dòng chảy mưa, $t = 120$ phút

P - Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán, $P = 5$ năm

A, C, b, n - Tham số xác định theo điều kiện mưa của tỉnh Quảng Trị; $A=2.230$, $C=0,48$, $b=15$, $n=0,62$.

K - Hệ số tính đến tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đối với cường độ mưa, lấy $K=1$:

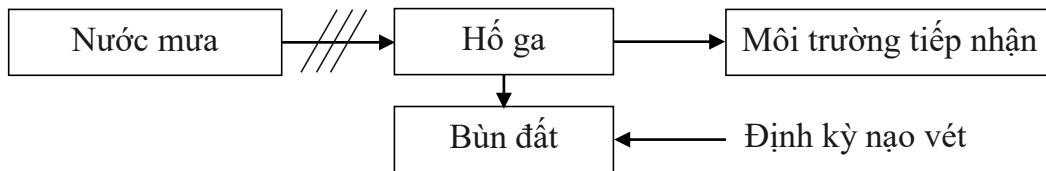
Cường độ mưa tính toán như sau:

$$q = \frac{2.230 \times (1 + 0,48lg5)}{(120 + 15)^{0,62}} \times 1 = 142 \text{ L/s.ha}$$

Vậy lưu lượng nước mưa khu vực Dự án theo công thức (3.1) là:

$$Q = 142 \times 3.445 \times 1 \times 0,8 = 39 \text{ l/s}$$

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại Cơ sở như sau:



Hình 4. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa trên mái, sân, đường nội bộ được thu gom qua hệ thống mương nội bộ kích thước BxH=(0,3x0,3)m, dài 60m, kết cấu bằng gạch xây, sau đó thoát về hố ga góc phía Tây Bắc (trên đường Nguyễn Du) để lắng tạp chất trước khi thoát ra khu vực hệ thống thoát nước chung của khu vực.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

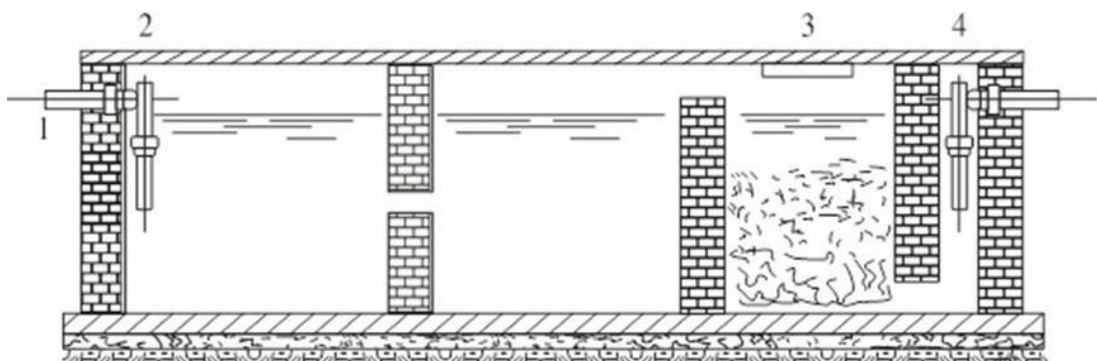
- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 30 CBCNV làm việc tại Cơ sở.
- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.
- Tải lượng: Dựa vào nhu cầu sử dụng nước đã nêu ở chương I thì lượng nước thải thực tế tại Cơ sở là: $0,75 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 100\% = 0,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ khu vệ sinh được thu gom và dẫn qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 8 m^3 để xử lý (bao gồm 03 bể) bố trí tại 03 khu vực: Nhà bảo vệ, Nhà văn phòng và Xưởng sản xuất giấy ăn.

1.3. Xử lý nước thải

Để xử lý nước thải sinh hoạt của CBCNV, Chủ cơ sở đã xây dựng 03 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 8 m^3 .

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Mô hình bể tự hoại 3 ngăn như sau:



Hình 5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Trong đó:

- | | |
|------------------------------|---------------------------|
| 1 - Ống dẫn nước thải vào bể | 3 - Nắp thăm (để hút cặn) |
| 2 - Ống thông hơi. | 4 - Ống dẫn nước ra. |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

Kích thước của bể tự hoại được tính toán như sau:

Thể tích phần lắng: $Wl=(a \times N \times T)/1000=(25 \times 30 \times 1)/1000=0,8 \text{ (m}^3\text{)}$

Thể tích phần chứa bùn: $Wb=(b \times N \times t)/1000=(0,1 \times 30 \times 365)/1000=1,1 \text{ (m}^3\text{)}$

Thể tích tổng cộng của bể tự hoại: $W = Wl + Wb = 0,8 + 1,1 = 1,8 \text{ (m}^3\text{)}$

Trong đó:

a: Tiêu chuẩn thải nước (25 lít/người/ng.đ);

b: Tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày đêm; giá trị của b phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể; nếu thời gian giữa hai lần hút cặn dưới một năm thì b lấy bằng 0,1 lít/người/ng.đ, nếu trên 1 năm thì lấy b bằng 0,08 lít/người/ng.đ (lấy b = 0,1 lít/người/ng.đ);

N: Số người sử dụng (30 người);

T: Thời gian lưu nước, (chọn T là 1 ngày).

t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại (chọn t = 365 ngày).

Thể tích ngăn thứ nhất lấy bằng 1/2 thể tích tổng cộng (TCXD-51-84):

$$W1 = 0,5 \times W = 0,5 \times 1,8 = 0,9 \text{ m}^3$$

Thể tích ngăn thứ hai và thứ ba lấy bằng 1/4 thể tích tổng cộng (TCXD-51-84):

$$W2 = W3 = 0,25 \times W = 0,25 \times 1,8 = 0,5 \text{ (m}^3\text{)}$$

Hệ thống nhà vệ sinh tự hoại sẽ được xây dựng tại 03 khu vực như: Nhà bảo vệ, Nhà văn phòng, Xưởng sản xuất giấy ăn.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi tại nhà xưởng

- Sử dụng quạt hút để hút khí nóng, ẩm ra ngoài và quạt cấp để đưa khí tươi vào nhà xưởng.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng: Cây xanh giúp hấp thụ CO₂, cung cấp oxy và tạo bóng mát, góp phần cải thiện chất lượng không khí trong nhà xưởng.

- Bảo quản nguyên vật liệu đúng cách, hạn chế bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ.

2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển

Để giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp như sau:

- Xe vận chuyển nguyên liệu được phủ bạt kín.

- Các phương tiện hoạt động như ô tô, máy nâng,... phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và có giấy phép sử dụng của cơ quan Đăng kiểm.

- Quy định các phương tiện trong thời gian chờ xuất, nhập hàng không được nổ máy để giảm lượng khí thải phát sinh.

- Sử dụng các thiết bị máy móc, phương tiện vận chuyển mới, để giảm lượng

khí thải phát ra từ các thiết bị, phương tiện này.

- Các chủ phương tiện phải chấp hành đúng các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

**** CTR sinh hoạt***

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 30 CBCNV chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau... với khối lượng phát sinh là 15 kg/ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt được Chủ cơ sở phân loại theo quy định tại điều 75 Luật BVMT 2020, trong đó bố trí 03 thùng phân loại rác, rác thải được chia thành các loại CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế như chai nhựa, chai thủy tinh, túi nilon còn có khả năng sử dụng; chất thải thực phẩm như thức ăn thừa, rau, củ quả thải,... và CTR sinh hoạt khác như bao bì ni lon hỏng, giấy lau,...

Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà thu gom, xử lý định kỳ 03 lần/tuần (*Hoá đơn xử lý đính kèm phụ lục*).

**** CTR sản xuất***

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn này bao gồm các loại với khối lượng như sau:

- Chất thải sản xuất như:

+ Bao gồm các mảnh giấy thừa trong quá trình cắt xén giấy, các mảnh giấy thừa hoặc các mép giấy bị cắt ra sẽ trở thành chất thải; Cuộn lõi giấy được sử dụng hết hoặc được cắt xén, các lõi này trở thành chất thải. Khối lượng phát sinh khoảng 50 kg/ngày.

+ Bao gồm các loại bì carton, nilon, túi nhựa hoặc các vật liệu đóng gói khác được sử dụng trong quá trình đóng gói sản phẩm với khối lượng khoảng 5 kg/ngày.

- Biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Chủ cơ sở bố trí công nhân tiến hành thu gom hàng ngày và bố trí kho chứa, định kỳ khoảng 03 ngày/lần sẽ bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Tối ưu hóa quy trình sản xuất: Sử dụng các công nghệ và quy trình sản xuất tiên tiến để giảm thiểu lượng chất thải phát sinh.

+ Thiết kế sản phẩm và bao bì tiết kiệm nguyên liệu: Tối ưu hóa thiết kế sản phẩm và bao bì để giảm lượng nguyên liệu sử dụng và lượng chất thải phát sinh.

+ Tăng cường nhận thức: Đào tạo nhân viên về tầm quan trọng của việc quản lý chất thải và các biện pháp xử lý chất thải hiệu quả.

+ Khuyến khích thực hành tốt: Khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên thực hiện các biện pháp giảm thiểu và tái chế chất thải trong quá trình làm việc.

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chủ cơ sở lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc cũ, lạc hậu.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

- Trong quá trình sử dụng, Chủ cơ sở thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc lò xo giảm chấn cho một số máy móc như máy bơm nước, máy nén khí, mô tơ điện... nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Cơ sở sử dụng các máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần theo quy định, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà xưởng, sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Chủ cơ sở đã thành lập đội PCCC của Cơ sở gồm 10 người (1 đội trưởng và 9 thành viên).

- Trang bị hệ thống chữa cháy phù hợp với đặc điểm nguy hiểm của xưởng như hệ thống chữa cháy nước, hệ thống chữa cháy bằng khí, hệ thống chữa cháy bằng bột,...

Bảng 6. Phương tiện PCCC của Cơ sở

TT	Phương tiện PCCC tại chỗ	Đơn vị	Số lượng
1	Bình khí chữa cháy MFZ 35	Bình	04
2	Bình chữa cháy MFZ 4	Bình	10
3	Máy bơm nước	Cái	01
4	Xô chữa cháy	Cái	01

- Đặt bình chữa cháy xách tay tại các vị trí dễ quan sát, dễ lấy sử dụng.

- Bảo quản nguyên liệu (giấy cuộn, giấy tái chế) và thành phẩm (giấy vệ sinh, giấy ăn) tại những nơi khô ráo, thoáng mát, cách xa nguồn nhiệt và nguồn nguy cơ cháy nổ.

- Xếp hàng hóa gọn gàng, khoa học, đảm bảo lối thoát hiểm thông thoáng.

- Định kỳ kiểm tra, loại bỏ các vật liệu dễ cháy, phế liệu trong xưởng.

- Tổ chức tập huấn PCCC định kỳ cho nhân viên, hướng dẫn cách sử dụng các trang thiết bị PCCC và kỹ năng thoát hiểm khi có cháy nổ xảy ra.

- Phân công nhân viên phụ trách PCCC, thường xuyên kiểm tra hệ thống PCCC và phát hiện nguy cơ cháy nổ.

5.2. Phòng ngừa tai nạn lao động

- Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cá nhân như găng tay, mũ, ủng bảo hộ, bông nút tai,... theo công việc phân công.

- Trang bị đầy đủ thuốc và dụng cụ y tế cần thiết, tổ chức tập huấn sơ cứu tại chỗ để có thể sơ cứu kịp thời cho các trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

- Phân công nhân viên phụ trách an toàn lao động, thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn của máy móc, thiết bị, môi trường làm việc.

- Tuyên truyền, giáo dục về an toàn lao động cho cán bộ, nhân viên thông qua các hình thức như: bảng tin, khẩu hiệu, hội nghị,...

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của 30 CBCNV.
- Lưu lượng xả tối đa: 0,75 m³/ngày.đêm, tương đương 0,09m³/giờ.
- Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý ở bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích 8m³ tự thấm vào môi trường đất trong khuôn viên Cơ sở. Phần cặn lắng định kỳ 2 - 3 năm/lần thuê đơn vị hút hầm vệ sinh tại thành phố Đông Hà đưa đi xử lý.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: cụ thể ở bảng sau:

Bảng 7. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

Ghi chú:

- Quy chuẩn 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B: Giá trị các thông số ô nhiễm cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.
- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + Vị trí xả thải:
 - Khu vệ sinh tại Nhà bảo vệ của Cơ sở. Tọa độ điểm xả thải là: X = 1.858.046m; Y= 588.706m (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, KKT 106⁰15’).
 - Khu vệ sinh tại Nhà văn phòng của Cơ sở. Tọa độ điểm xả thải là: X = 1.858.029m; Y= 588.719m (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, KKT 106⁰15’).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

• Khu vệ sinh tại Xưởng sản xuất giấy ăn của Cơ sở. Tọa độ điểm xả thải là: X = 1.857.982m; Y= 588.751m (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, KKT 106⁰15’).

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Nước thải sau khi xử lý ở bể tự hoại 03 ngăn tự thấm vào đất trong khuôn viên của Cơ sở. Phần cặn lắng định kỳ 2 - 3 năm/lần thuê đơn vị hút hầm vệ sinh tại thành phố Đông Hà đưa đi xử lý.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của Cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như phương tiện giao thông. Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải rắn hữu cơ từ những nơi chứa rác, khu vệ sinh... Các nguồn phát sinh này được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện ra vào; hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất như: Máy cuộn, máy cắt giấy... Các nguồn này không liên tục và được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Dữ liệu quan trắc môi trường định kỳ

Đề đánh giá được hiện trạng môi trường khu vực của Cơ sở, báo cáo tham khảo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 của CCN Đông Lễ do Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và dịch vụ công ích thành phố Đông Hà thực hiện. Kết quả được tổng hợp như sau:

1.1. Đối với không khí xung quanh

Bảng 8. Kết quả quan trắc chất lượng không khí và tiếng ồn

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 05:2023/BTNMT
			Đợt 1 (ngày 01/6/2023)		Đợt 2 (ngày 10/11/2023)		
			KDL1	KDL2	KDL1	KDL2	
1	Nhiệt độ	°C	27,5	29,4	31,7	32,7	-
2	Độ ẩm	%	68	65	77	75	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,4	1,6	1,5	2,3	-
4	Tiếng ồn	dB(A)	67,1	65,9	67,0	63,8	70(1)
5	Bụi	µg/m ³	17	14	22	14	300
6	SO ₂	µg/m ³	25	21	19	22	350
7	NO ₂	µg/m ³	23	21	26	23	200
8	CO	µg/m ³	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- (1) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Vị trí đo:

+ KDL1: Không khí tại cổng ra vào CCN Đông Lễ

+ KDL2: Không khí tại vị trí cách CCN Đông Lễ khoảng 300m về phía Đông Nam

Nhận xét: Kết quả tại bảng trên cho thấy thời điểm giám sát năm 2023, tất cả các thông số tiếng ồn và không khí xung quanh đều trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

1.2. Đối với nước mặt

Bảng 9. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả quan trắc		QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
			Đợt 1 (ngày 01/6/2023)	Đợt 2 (ngày 10/11/2023)	
1	pH	-	7,4	7,3	6,0-8,5
2	TSS	mg/l	7,6	7,8	≤15
3	BOD ₅	mg/l	1,9	1,6	≤6
4	COD	mg/l	11	10	≤15
5	NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (0,02*)	0,10	0,3
6	NO ₃ ⁻	mg/l	1,13	0,25	-
7	Fe	mg/l	0,10	0,16	0,5
8	Coliform	MPN/100ml	74	831	≤5.000

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

- Vị trí lấy mẫu: Nước mặt tại Hồ Trung Chi, cách CCN Đông Lễ khoảng 300m về phía Đông Nam

Nhận xét: Kết quả tại bảng trên cho thấy thời điểm giám sát năm 2023, tất cả các thông số chất lượng nước mặt đều trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (mức B). Như vậy, chất lượng nước mặt hồ Trung Chi chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi các nguồn tác động.

1.3. Đối với nước dưới đất

Bảng 10. Kết quả quan trắc chất lượng nước dưới đất

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả quan trắc		QCVN 09:2023/BTNMT
			Đợt 1 (ngày 01/6/2023)	Đợt 2 (ngày 10/11/2023)	
1	pH	-	6,9	6,8	5,8-8,5
2	Độ đục	NTU	1,0	1,0	-
3	Chỉ số Pemangnat	mg/l	1,2	KPH (0,6*)	4,0
4	NO ₂ -N	mg/l	KPH (0,01*)	KPH (0,02*)	1,0
5	NH ₄ -N	mg/l	KPH (0,02*)	KPH (0,02*)	1,0
6	Fe	mg/l	0,046	0,065	5,0
7	Coliform	MPN/100ml	KPH	KPH	3

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

- Vị trí lấy mẫu: Tại giếng khoan trong khu vực CCN Đông Lễ (Doanh nghiệp tư nhân Đỗ Thị Thủy).

Nhận xét: Kết quả tại bảng trên cho thấy thời điểm giám sát năm 2023, tất cả các thông số chất lượng nước mặt đều trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất. Như vậy, chất lượng nước dưới đất khu vực chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi các nguồn tác động.

1.4. Đối với nước thải

Bảng 11. Kết quả quan trắc nước thải

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
			Đợt 1 (ngày 01/6/2023)	Đợt 2 (ngày 10/11/2023)	
1	pH	-	7,9	7,6	5,5-9
2	TSS	mg/l	11	89	100
3	BOD ₅	mg/l	7,4	29	50
4	COD	mg/l	35	83	150
5	NO ₃ ⁻	mg/l	7,81	0,30	-
6	Sunphat	mg/l	KPH (3*)	8	-
7	NH ₄ ⁺	mg/l	0,32	0,09	10
8	Fe	mg/l	0,15	0,30	5
9	Coliform	MPN/100ml	2.880	4.060	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2021/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

- Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí thải ra môi trường bên ngoài, phía Đông Nam của CCN Đông Lễ.

Nhận xét: Kết quả tại bảng trên cho thấy thời điểm giám sát năm 2023, tất cả các thông số nước thải đều trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ

Đề đánh giá được hiện trạng môi trường của Cơ sở, báo cáo tham khảo kết quả giám sát môi trường định kỳ của Cơ sở năm 2023. Kết quả được tổng hợp như sau:

Bảng 12. Kết quả quan trắc chất lượng không khí và tiếng ồn

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc	QCVN 05:2023/ BTNMT
			KPQ	
1	Nhiệt độ	°C	30,3	-
2	Độ ẩm	%	66	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,2	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

4	Tiếng ồn	dB(A)	78,3	70(1)
5	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH (3*)	300
6	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	19	350
7	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	17	200
8	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH (3000*)	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- (1) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Vị trí đo:

+ KPQ: Không khí tại khu vực trung tâm Nhà xưởng sản xuất giấy - Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý

Nhận xét: Kết quả tại bảng trên cho thấy thời điểm giám sát năm 2023, tất cả các thông số tiếng ồn và không khí xung quanh đều trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở Xưởng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng thuộc đối tượng quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nên không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục và định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Chủ cơ sở không đề xuất quan trắc môi trường định kỳ.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm: 5 triệu đồng

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, Cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

+ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 02/2019/BYT; QCVN 26/2016/BYT; QCVN 24/2016/BYT;

+ QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết thu gom, phân loại, lưu giữ và thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu trong quá trình hoạt động của cơ sở làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

- Cam kết lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Đông Hà trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo, thực hiện theo Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến cơ sở.
- Các bản vẽ liên quan đến cơ sở.

Số : 1393 /QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 20 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý thuê đất
để xây dựng: Dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ các Nghị định của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
Xét hồ sơ xin thuê đất của Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị tại Tờ trình số 976 /TTr-STNMT ngày 15 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý thuê 855 m² đất tại Cụm công nghiệp Đông Lễ - phường Đông Lễ - thị xã Đông Hà thuộc thửa số 32 - tờ bản đồ địa chính số 38 (đã được thu hồi tại Quyết định 3285/QĐ-UB ngày 23/11/2004 của UBND tỉnh Quảng Trị) để xây dựng dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ ngày ban hành quyết định.
- Vị trí, ranh giới khu đất thuê được xác định theo tờ bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần tư vấn và Tài nguyên Môi trường Quảng Thái lập ngày 03/7/2009.
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 089612 cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý.
- Sau 12 tháng kể từ ngày được giao đất mà Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý không sử dụng, hoặc sử dụng không đúng mục đích được thuê thì Nhà nước sẽ thu hồi đất theo quy định của Pháp luật.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thị xã Đông Hà chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;
2. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý;
3. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đông Hà và UBND phường Đông Lễ xác định mốc giới cụ thể và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý sử dụng;

4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

5. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị xã Đông Hà, Chủ tịch UBND phường Đông Lễ và Giám đốc Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CN, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

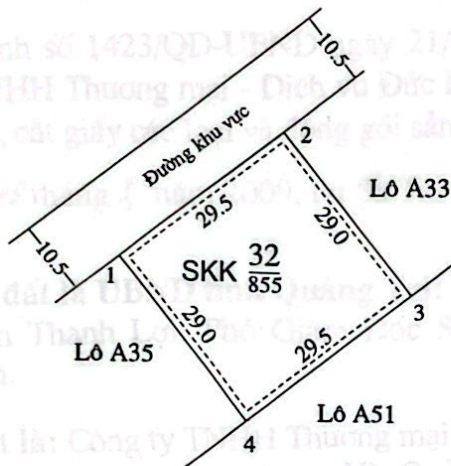
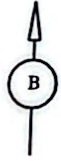
V/v cho thuê đất theo quyết định số: 1393 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Quảng Trị

Số: /TĐBĐ Tỷ lệ: 1/ 1.000

Công trình: Đầu tư dây chuyên cắt xén và đóng các loại giấy gia dụng

(Công ty TNHH 1TV ORCHID Phú Quý)

Trích đo tại tờ bản đồ địa chính số 38, thửa số 17 tỷ lệ 1/1.000 của phường Đông Lễ, thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị



BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ
(Hệ tọa độ HN72)

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1858149.850	402333.810	29.50
2	1858168.030	402357.040	29.00
3	1858145.200	402374.920	29.50
4	1858127.010	402351.690	29.00
1	1858149.850	402333.810	29.00

CHÚ DẪN

Ranh giới khu đất hiện có _____
 RG khu đất cho thuê _____
 Diện tích cho thuê đất 855 m²
 Gồm lô A32 cụm Công nghiệp Đông Lễ

Vị trí 1 590 m²
 Vị trí 2 265 m²

ĐƠN VỊ LẬP HỒ SƠ

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG TRỊ

Ngày 3 tháng 7 năm 2009

Ngày 3 tháng 7 năm 2009

Ngày 15 tháng 7 năm 2009

Ngày 15 tháng 7 năm 2009

GIÁM ĐỐC

CHỦ CÔNG TRÌNH

PHÒNG QLDD - ĐD & BĐ

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG



Võ Văn Tái

Lê Bá Đình

Lê Văn Điền

Nguyễn Thanh Lợi

Số: HĐ/TĐ

Đông Hà, ngày tháng năm 2010

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT(Áp dụng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước
thuê đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 09/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị và Văn bản hướng dẫn thực hiện số 1434/UBND -TM ngày 11/6/2008.

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 20/7/2010 về việc cho Công ty TNHH một thành viên ORCHID Phú Quý thuê đất để xây dựng: Dây chuyên cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng.

Hôm nay, ngày tháng năm 2010, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là UBND tỉnh Quảng Trị:

Do ông: Nguyễn Thanh Lợi: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị làm đại diện.

II. Bên thuê đất là: Công ty TNHH một thành viên ORCHID Phú Quý.

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Đông Lễ - Thành phố Đông Hà.

Do ông: Lê Bá Đình - Giám đốc làm đại diện.

Tài khoản số: 3902 201 002 320, tại Ngân hàng Cổ phần Sài Gòn Thương Tín

- Chi nhánh Quảng Trị.

III. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:**Điều 1. Bên cho thuê cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:**1. Diện tích đất: 1.724m² (Một nghìn bảy trăm hai mươi bốn mét vuông) để xây dựng: Dây chuyên cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng.

Tại: Cụm Công nghiệp Đông Lễ - Phường Đông Lễ - Thành phố Đông Hà.

2. Vị trí, ranh giới khu đất nói trên được xác định theo tờ bản đồ địa chính thửa đất, tỷ lệ 1/1.000 do Công ty Cổ phần tư vấn Tài nguyên và Môi trường Quảng Thái lập ngày 25/5/2010 và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22/6/2010.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 29/6/2060.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất:

- Vị trí 1: 360.000đồng/m²/năm.- Vị trí 2: 180.000đồng/m²/năm.- Vị trí 3: 120.000đồng/m²/năm.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi một phần diện tích đất của Công ty TNHH Thanh Trường
và cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý thuê đất để thực hiện
dự án: Kho nguyên liệu phục vụ dây chuyền cắt xén
và đóng gói các loại giấy gia dụng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2019 thành phố Đông Hà;

Xét hồ sơ xin thuê đất của Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2894/TTr-STNMT ngày 10 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 866m² đất trong tổng diện tích 3.481m² đất (theo diện tích đo đạc thực tế là 3.455m²) của Công ty TNHH Thanh Trường (đã được UBND tỉnh cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 196827 theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 04/8/2008), tại Cụm Công nghiệp Đông Lễ; thuộc thửa số 29 - tờ bản đồ địa chính số 38 của phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà.

+ Lý do thu hồi: Công ty TNHH Thanh Trường tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước.

+ Vị trí, ranh giới thu hồi đất được xác định theo tờ bản đồ khu đất, tỷ lệ 1/1.000 do Công ty TNHH MTV Tư vấn đo đạc bản đồ Tiến Phát lập ngày 03/6/2019, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 10/9/2019.

Điều 2. Cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý thuê 866m² đất (được thu hồi tại Điều 1 của Quyết định này), tại Cụm Công nghiệp Đông Lễ; thuộc thửa số 129 - tờ bản đồ địa chính số 38 của phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà để thực hiện dự án: Kho nguyên liệu phục vụ dây chuyền cắt xén và đóng gói các loại giấy gia dụng.

+ Thời hạn thuê đất: Đến ngày 22 tháng 3 năm 2069.

+ Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Sau 12 tháng kể từ ngày được thuê đất mà Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích được thuê thì Nhà nước sẽ thu hồi đất theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thông báo cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý nộp phí, lệ phí và chuyển thông tin sang Cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất, tổ chức bàn giao trên thực địa cho Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý sử dụng;

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý.

2. UBND thành phố Đông Hà theo dõi, giám sát tình hình sử dụng đất và thực hiện dự án của Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện việc chỉnh lý hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AL 196827 của Công ty TNHH Thanh Trường và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

4. Công ty TNHH Thanh Trường có trách nhiệm nộp lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AL 196827 (cấp ngày 04/8/2008) để chỉnh lý hoặc cấp đổi giấy chứng nhận theo quy định.

5. Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Trang thông tin điện tử tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Đông Hà, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chủ tịch UBND phường Đông Lễ, Giám đốc Công ty TNHH Thanh Trường, Giám đốc Công ty TNHH MTV Orchid Phú Quý và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *kt*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *tu*



Hà Sỹ Đồng

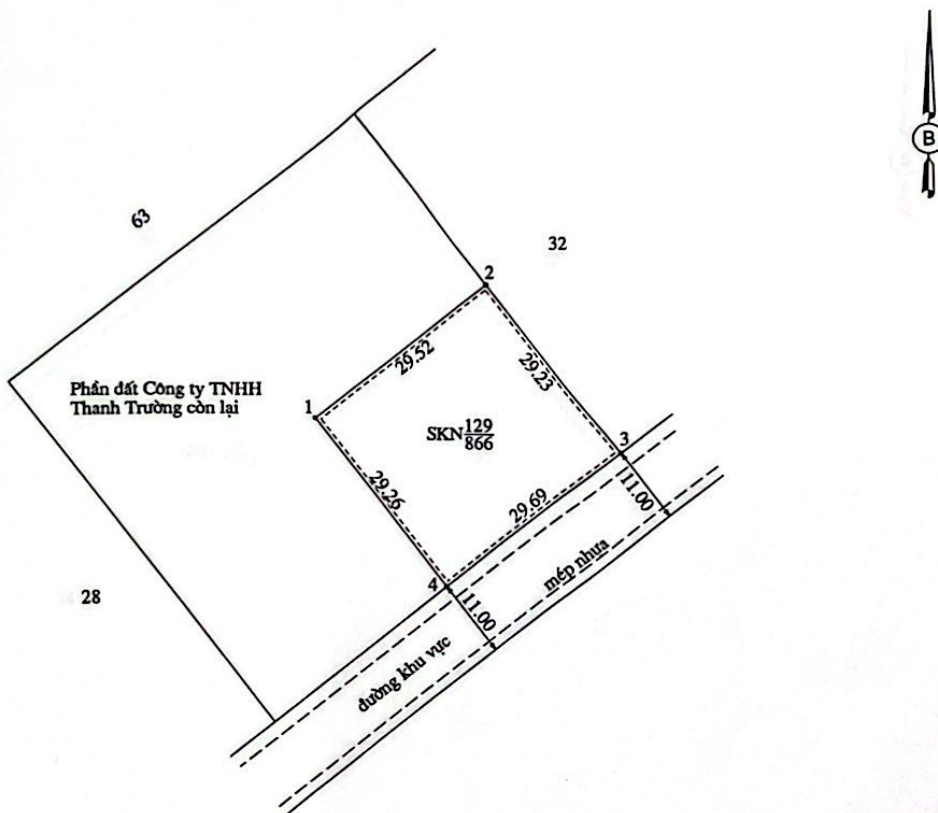
BẢN ĐỒ THỬ ĐẤT

Về việc thuê đất theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 201.... của UBND tỉnh Quảng Trị
Số/ĐĐCLBĐ

TỶ LỆ : 1/1000

TÊN CÔNG TRÌNH: KHO NGUYÊN LIỆU PHỤC VỤ DÂY CHUYỀN CẮT XÉN VÀ ĐÓNG GÓI CÁC LOẠI GIẤY GIA DỤNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV ORCHID PHÚ QUÝ

Đo đạc chính lý từ tờ bản đồ địa chính số 38, thửa 29, tỷ lệ 1/2000 của phường Đông Lễ - thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị



GHI CHÚ

Số 28, 32, 63 trên sơ đồ là số thửa đất liền kề

SKN $\frac{129}{866}$ - Loại đất $\frac{Số\ thửa}{Diện\ tích}$

- Ranh giới thửa đất hiện có _____

- Ranh giới thuê đất =

Diện tích thuê đất:.....866.....m²

Đất thuộc Khu vực 1 - Cụm công nghiệp

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

STT	Theo hệ tọa độ VN2000		Chiều dài cạnh (S)
	X	Y	
1	1858007.19	588697.33	29.52
2	1858025.20	588720.72	29.23
3	1858002.26	588738.83	29.69
4	1857984.12	588715.32	29.26
1	1858007.19	588697.33	

ĐƠN VỊ LẬP HỒ SƠ
CÔNG TY TNHH MTV
TƯ VẤN ĐBĐD TIẾN PHÁT

Ngày 03 tháng 6 năm 2019
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH HOÀN

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ

Ngày 9 tháng 9 năm 2019
PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CH. TRƯỞNG PHÒNG

Đoàn Xuân Linh

Ngày 10 tháng 9 năm 2019
GIÁM ĐỐC



Võ Quốc Hoàng

BẢN ĐỒ THỪA ĐẤT

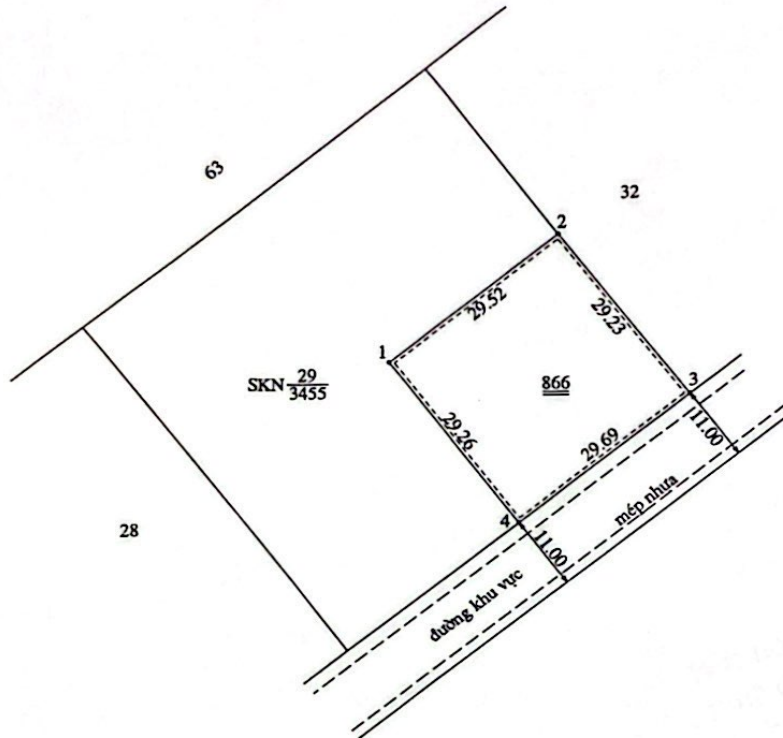
Về việc thu hồi đất theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 201... của UBND tỉnh Quảng Trị

SỐ/ĐDCLBD

TỶ LỆ : 1/1000

TÊN CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH THANH TRƯỜNG TỰ NGUYỆN TRẢ LẠI ĐẤT

Do đặc chính lý từ bản đồ địa chính số 38, thửa 29, tỷ lệ 1/2000 của phường Đông Lễ - thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị



GHI CHÚ

Số 28, 32, 63 trên sơ đồ là số thửa đất liền kề

SKN $\frac{29}{3455}$ - Loại đất Số thửa
Diện tích

- Ranh giới thửa đất hiện có _____
- Ranh giới thu hồi đất -----
- Diện tích Giấy chứng nhận đã cấp: 3.481.....m²
- Diện tích thu hồi 866
- Tổng diện tích thu hồi đất: 866.....m²

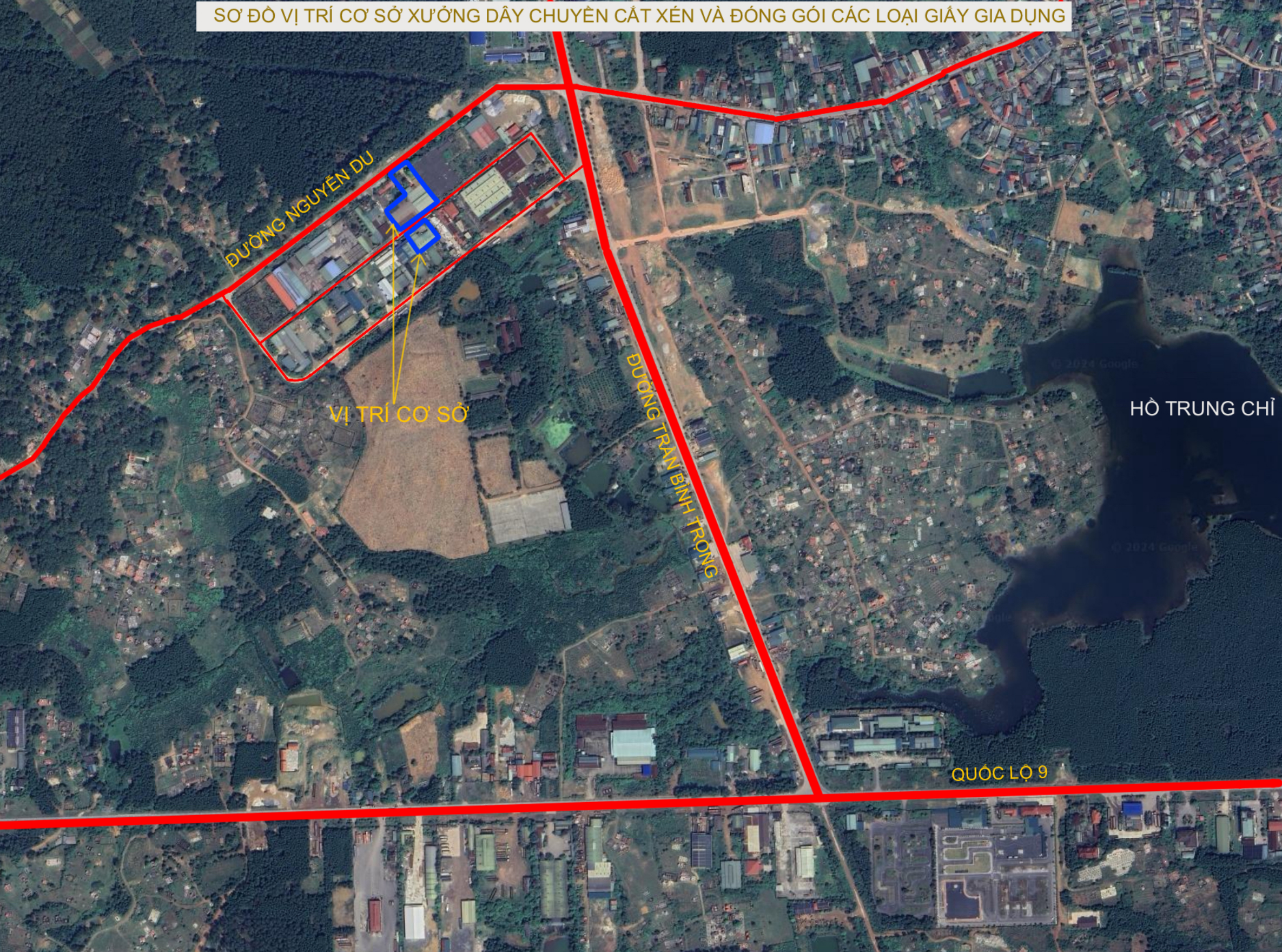
(Có danh sách chi tiết kèm theo)

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

STT	Theo hệ tọa độ VN2000		Chiều dài cạnh (S)
	X	Y	
1	1858007.19	588697.33	29.52
2	1858025.20	588720.72	29.23
3	1858002.26	588738.83	29.69
4	1857984.12	588715.32	29.26
1	1858007.19	588697.33	

ĐƠN VỊ LẬP HỒ SƠ CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN ĐBĐD TIẾN PHÁT	CÔNG TY TNHH THANH TRƯỜNG M.S.D.N: 200177424	SỞ TN&MT TỈNH QUẢNG TRỊ
Ngày 03 tháng 6 năm 2019. GIÁM ĐỐC	Ngày 03 tháng 6 năm 2019. GIÁM ĐỐC	Ngày tháng năm 2019. GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THANH HOÀN	Trần Ngọc Thụy	Võ Quốc Hoàng

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CƠ SỞ XƯỞNG DÂY CHUYỀN CẮT XÉN VÀ ĐÓNG GÓI CÁC LOẠI GIẤY GIA DỤNG



ĐƯỜNG NGUYỄN DU

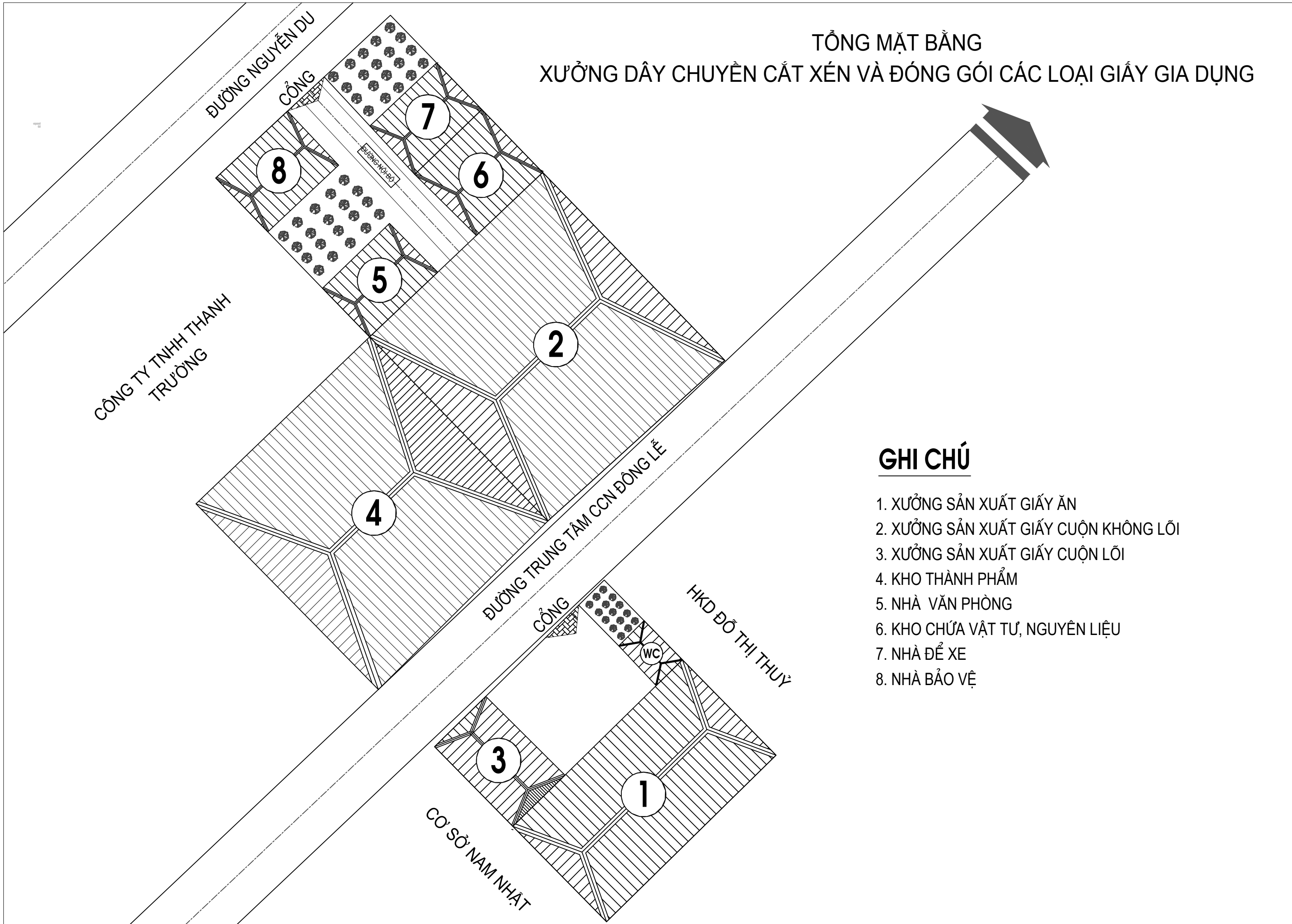
VỊ TRÍ CƠ SỞ

ĐƯỜNG TRẦN BÌNH TRỌNG

HỒ TRUNG CHÍ

QUỐC LỘ 9

TỔNG MẶT BẰNG
XƯỞNG DÂY CHUYỀN CẮT XÉN VÀ ĐÓNG GÓI CÁC LOẠI GIẤY GIA DỤNG

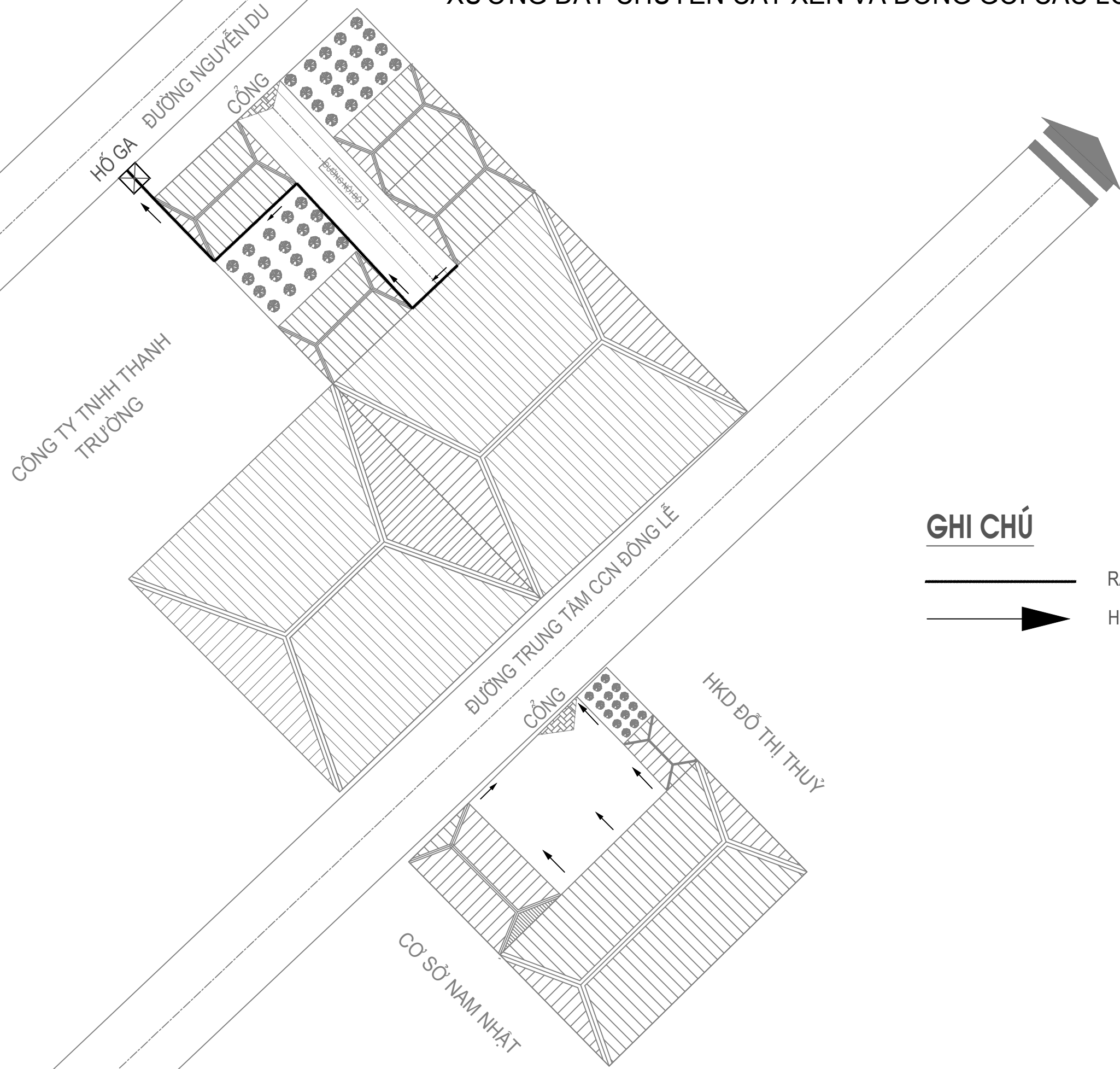


CÔNG TY TNHH THANH
TRƯỜNG

GHI CHÚ

- 1. XƯỞNG SẢN XUẤT GIẤY ĂN
- 2. XƯỞNG SẢN XUẤT GIẤY CUỘN KHÔNG LỖI
- 3. XƯỞNG SẢN XUẤT GIẤY CUỘN LỖI
- 4. KHO THÀNH PHẨM
- 5. NHÀ VĂN PHÒNG
- 6. KHO CHỨA VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU
- 7. NHÀ ĐỂ XE
- 8. NHÀ BẢO VỆ

TỔNG MẶT BẰNG THU GOM, THOÁT NƯỚC
XƯỞNG DÂY CHUYỀN CẮT XÉN VÀ ĐÓNG GÓI CÁC LOẠI GIẤY GIA DỤNG



CÔNG TY TNHH THANH
TRƯỜNG

ĐƯỜNG TRUNG TÂM CCN ĐÔNG LÊ

CƠ SỞ NAM NHẬT

GHI CHÚ

- RÃNH THOÁT NƯỚC
- ➔ HƯỚNG THOÁT NƯỚC